

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-BDT ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

c) Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

d) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ

vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

đ) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025;

e) Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết và quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

g) Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025;

h) Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 6 Chương II của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;

i) Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc thực hiện áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) của 03 chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) chưa thực hiện hoặc chưa giải ngân hết trong năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026; Ủy ban nhân dân thành phố quyết

định điều chỉnh kinh phí, vốn từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền bảo đảm không vượt quá tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên của từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Đối với ngân sách nhà nước từ năm 2026 trở đi (bao gồm cả vốn ngân sách nhà nước năm 2025 không còn nhiệm vụ hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được nội dung, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- VKSND, TAND, THADS thành phố;
- Đảng ủy, TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, BDT.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền
vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là vùng đồng bào DTTS&MN), an toàn khu, biên giới và xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, việc bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố theo nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn giữa các ngành, lĩnh vực; ưu tiên hỗ trợ có mục tiêu cho cấp xã từ nguồn vốn đầu tư phát triển.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

c) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

4. Phân bổ ngân sách nhà nước cho sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, địa phương thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách và kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân các năm trước liền kề; ưu tiên bố trí vốn cho các đơn vị có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cao.

5. Ưu tiên bố trí nguồn vốn cho các dự án, các nội dung thành phần về đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn; hạ tầng chuyển đổi số, hạ tầng thương mại, thương mại điện tử, phát triển sản phẩm OCOP; xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số; công tác truyền thông và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình.

6. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn của Chương trình theo nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi và danh mục dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn. Kinh phí quản lý Chương trình được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cấp xã

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ

Mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào, xã thuộc từng nhóm đối tượng tương ứng của địa phương, cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 01.

b) Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu, xã biên giới: Hệ số 50.

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 40.

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 30.

đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

e) Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hằng năm theo lộ trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

- Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026: Hệ số 40.

- Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2027: Hệ số 30.

- Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2028: Hệ số 20.

- Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2029: Hệ số 10.

- Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2030: Hệ số 05.

g) Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo lộ trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố (áp dụng đối với xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới): Hệ số 20.

h) Tỷ lệ nghèo đa chiều

- Từ 8% trở lên: Hệ số 20.

- Từ 5% đến dưới 8%: Hệ số 10.

- Từ 2% đến dưới 5%: Hệ số 05.

- Dưới 2%: Hệ số 02.

2. Nguyên tắc áp dụng hệ số

Trường hợp một địa phương đồng thời thuộc từ hai (02) tiêu chí trở lên theo quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các tiêu chí đó.

3. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn

a) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ

Giá trị của một (01) điểm phân bổ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị một (01) điểm phân bổ vốn ngân sách} = \frac{\text{Tổng vốn ngân sách nhà nước bố trí cho cấp xã}}{\text{Tổng số điểm của cấp xã theo tiêu chí phân bổ}}$$

Trong đó, tổng điểm của cấp xã theo tiêu chí phân bổ bằng tổng tất cả các điểm được phân bổ theo Quy định này.

b) Xác định mức vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp xã

$$\text{Mức vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp xã} = \frac{\text{Tổng số điểm phân bổ của từng địa phương}}{\text{Giá trị một (01) điểm phân bổ vốn ngân sách}}$$

4. Trường hợp phân bổ vốn cho cấp xã nhưng không có nội dung chi, không còn nội dung chi, không có đối tượng thực hiện, không có nhu cầu thực hiện (do đã sử dụng nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác) thì sẽ được phân bổ lại cho các địa phương, đơn vị khác theo nhu cầu của từng nhiệm vụ, nội dung thành phần, trong đó ưu tiên các địa phương phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm kế hoạch.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

1. Vốn ngân sách nhà nước bố trí thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, đơn vị có liên quan được phân bổ vốn ngân sách để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ của Chương trình có quy mô thành phố, liên xã, nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ cụ thể vốn ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổng mức vốn phân bổ cho các sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố không vượt quá 10% tổng vốn bố trí trực tiếp thực hiện Chương trình.

Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ưu tiên bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định tại Điều này để triển khai thực hiện Chương trình theo kế hoạch hằng năm và 05 năm được

cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên bố trí thêm nguồn vốn cho các thôn đặc biệt khó khăn.

2. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã

a) Các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã Đak Lua: ngân sách cấp xã bố trí vốn đối ứng theo khả năng tự cân đối ngân sách.

b) Các xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: ngân sách cấp xã đối ứng tối thiểu bằng 03% tổng ngân sách thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: ngân sách cấp xã đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình.

d) Địa phương còn lại: ngân sách cấp xã đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình.
